

NILO® 42

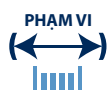
Đặc điểm chính

Hệ số giãn nở nhiệt thấp và không đổi trên danh nghĩa từ nhiệt độ phòng đến khoảng 300°C (570°F).

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

NILO® 42 có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



*Tên thương mại của Special Metals Group of Companies

NiLo[®] 42 còn được gọi là Invar 42, Pernifer 40, Dilaton 42, Glass Sealing 42.

Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	ASTM F30	W.NR 1.3917 UNS K94100 AWS 091	Hệ số giãn nở nhiệt thấp và không đổi trên danh nghĩa từ nhiệt độ phòng đến khoảng 300°C (570°F).	Khung chất bán dẫn Thanh nhiệt Đấu bịt kín từ thủy tinh đến kim loại
Ni	41.00 nominal					
Fe		bal				
Mn	–	0.80				
Si	–	0.30				
C	–	0.05				
Cr	–	0.25				
P	–	0.03				
S	–	0.03				
Al	–	0.10				

Khối lượng riêng	8.11 g/cm ³	0.293 lb/in ³
Điểm nóng chảy	1435°C	2615°F
Điểm biến đổi	370°C	700°F
Khả năng dẫn nhiệt	10.5 W/m•°C	72.8 btu•in/ft ² •h•°F
Hệ số giãn nở	5.3 µm/m °C (20 – 100°C) 4.5 – 6.5 µm/m °C (20 – 300°C)	2.9 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F) 2.5 – 3.6 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 572°F)

Xử lý nhiệt các bộ phận thành phẩm
 Các hợp kim NiLo thường được cung cấp và sử dụng trong điều kiện ủ (quá trình xử lý nguội để làm biến dạng các hệ số giãn nở nhiệt).
 Thời gian ủ có thể thay đổi theo độ dày mặt cắt ngang.

Loại	Nhiệt độ		Thời gian (giờ)	Làm mát
	°C	°F		
Ủ	850 – 1000	1560 – 1830	0.5	Không khí hoặc nước

Thuộc tính				
Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ vận hành tương đối	
	N/mm ²	ksi	°C	°F
Ủ	450 – 550	65 – 80	tối đa +300	tối đa +570
Kéo cứng	700 – 900	102 – 131	tối đa +300	tối đa +570

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.